

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 98/2024/DSST

Ngày 23-8-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Hiền và ông Đặng Song Hoàn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp . Vũng Tàu tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 397/2024/DSST ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐST-XX ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty T - Người đại diện theo pháp luật ông LEE YUN HYOUNG, chức danh Tổng giám đốc.

Địa chỉ: I P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L1

- Người đại diện theo pháp luật ông Cồ Lê H (văn bản ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC , ngày 02-5-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+ 3) L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Bá L (Văn bản uỷ quyền 106/GUQ-2024, ngày 05-7-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+ 3) L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim P, sinh năm 1974

Địa chỉ: 1 L, phường F cũ, nay là phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(vắng mặt đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2024 và qua quá trình làm việc, đại diện Công ty T “Tên viết tắt Công ty T” trình bày:

Nội dung: Công ty T đề nghị Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét giải quyết buộc bà Đỗ Thị Kim P thanh toán toàn bộ khoản vay, bao gồm dư gốc, lãi và phí tạm tính đến ngày 03-5-2024 là 29.317.518đ(Hai mươi chín triệu ba trăm mười bảy ngàn năm trăm mười tám đồng).

Ngày 09-05-2023, Công ty T tên viết tắt là “Công ty T” ký Hợp đồng tín dụng số: 4609578 về việc cấp tín dụng bà Đỗ Thị Kim P với khoản vay trị giá 21.324.600 đồng(Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm đồng); trong đó bao gồm: 19.800.000 đồng tiền vay và 1.524.600 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 39% năm.

Theo đó, bà Đỗ Thị Kim P có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.920.479 đồng trong kỳ hạn 30 tháng kể từ ngày 25-05-2023 đến ngày 25-10-2025.

Sau khi ký kết, Công ty T đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Đỗ Thị Kim P với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà bà Đỗ Thị Kim P đã cung cấp. Qua đó, bà Đỗ Thị Kim P có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 25 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 26-05-2023 bà Đỗ Thị Kim P đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía Công ty T mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ đề nghị bà Đỗ Thị Kim P thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ phía bà Đỗ Thị Kim P về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên.

Tính đến thời điểm hiện tại, bà Đỗ Thị Kim P chỉ thanh toán được 01 kỳ vào ngày 25-05-2023 với tổng số tiền 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Việc bà Đỗ Thị Kim P cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà đôi bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T.

Tính đến ngày 03-5-2024, bà Đỗ Thị Kim P đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau:

+ Số nợ gốc còn lại phải thanh toán: 21.324.600 đồng;

+ Số tiền lãi trong hạn và lãi chậm trả là: 7.992.918đ

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi yêu cầu bị đơn bà P phải trả là 29.317.518đ

-Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P không chấp hành theo giấy triệu tập làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; bà P vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu phát biểu:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về việc thụ lý, giải quyết vụ án dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1]Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Công ty T đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kim P.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTT; mã số doanh nghiệp C; đăng ký lần đầu ngày 08-9-2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02-4-2024, kèm Giấy phép số 73/GP-NHNN, ngày 12-11-2021, thành lập và hoạt động Công ty T , được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng N trong đó có hoạt động cho vay tiêu dùng.

Ngày 09-5-2023; Công ty T và bà Đỗ Thị Kim P ký Hợp đồng tín dụng số 4609578 về việc cho bà P vay số tiền 21.324.600d (hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng).

Mục đích vay vốn của bà Đỗ Thị Kim P, vay tiêu dùng cho cá nhân; nay xảy ra tranh chấp xác định đây là vụ án Dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Theo địa chỉ ghi trên Hợp đồng tín dụng thì bà Đỗ Thị Kim P cư trú tại số A L phường F cũ, nay là phường T, thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 07-8-2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đưa vụ án ra xét xử bị đơn bà Đỗ Thị Kim P vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên Tòa.

Nay phiên Tòa được mở lại bị đơn bà Đỗ Thị Kim P vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan, vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Thị Kim P.

Nguyên đơn Công ty T có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng tới phiên xét xử do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn Công ty T.

[2] Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim P trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22-8-2024 là 31.659.593đ(Ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm chín mươi ba đồng); trong đó:

+ Nợ gốc 21.324.600đ(Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi tuá hạn: 9.729.264đ(Chín triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng);

+Nợ lãi chậm trả: 605.729đ(Sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 23-8-2024 đến ngày bà Đỗ Thị Kim P thanh toán xong khoản nợ.

[3] Xét hiệu lực của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4609578, ngày 09-5-2023; Hội đồng xét xử nhận định: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T kèm theo các tài liệu chứng cứ có đủ cơ sở để nhận định:

Ngày 09-5-2023, bà Đỗ Thị Kim P có giao kết với Công ty T Hợp đồng tín dụng số 4609578; xét hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của Công ty T và bà Đỗ Thị Kim P tự nguyện giao kết.

Tuy bà P không trực tiếp ký tên vào Hợp đồng nhưng có giao kết hợp đồng dưới hình thức chữ ký số do bà P đã đăng ký loại chứng thư số OID-B1.0 -1D do trung tâm D chứng nhận.

Xét thấy; theo Điều 8 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định về giá trị của chữ ký số như sau: “ Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP.Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

“ Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số đó”;

“ Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chứng sau đây cấp:

- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Chính phủ;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chữ ký số của bà Đỗ Thị Kim P đăng ký và được Trung tâm D cung cấp. Công ty TNHH H1 là đơn vị được thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT- CA, theo giấy phép cung cấp dịch vụ chữ

ký số công cộng 527/GP-BTTTT, ngày 12-10-2015, của Bộ T1 nên chữ ký số bà P đăng ký có giá trị pháp lý.

Xét về nội dung của Hợp đồng tín dụng số 4609578, ngày 09-5-2023 không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý trí tự nguyện của các bên giao kết, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015; do đó, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4609578, ngày 11-5-2023 giao kết giữa bà Đỗ Thị Kim P với Công ty T có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim P trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22-8-2024 là 31.659.593đ (Ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm chín mươi ba đồng); trong đó:

+ Nợ gốc 21.324.600đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi tuá hạn: 9.729.264đ (Chín triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 605.729đ (Sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 23-8-2024 đến ngày bà Đỗ Thị Kim P thanh toán xong khoản nợ..

Hội đồng xét xử xét thấy; trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng. Bị đơn bà P chưa trả được nợ gốc; nợ lãi trả được 01 kỳ là 650.000đ (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị đơn bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ do bị đơn bà P giao nộp.

[5] Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kim P; buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim P phải trả số tiền 31.659.593đ (Ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm chín mươi ba đồng), cho nguyên đơn Công ty T tính đến ngày 22-8-2024.

Trong đó:

+ Nợ gốc 21.324.600đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi quá hạn: 9.729.264đ (Chín triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 605.729đ (Sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 23-8-2024 đến ngày bà Đỗ Thị Kim P thanh toán xong khoản nợ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4609578, ngày 09-5-2023, tính từ ngày 23-8-2024 đến ngày bà Đỗ Thị Kim P thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn Công ty T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P có lỗi hoàn toàn nên phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm;

Cách tính án phí:(Từ 6.000.000đ đến 400.000.000đ phải chịu 5% giá trị tài sản tranh chấp).

Về án phí DDST: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P phải chịu là 1.582.979đ (Một triệu năm trăm tám mươi hai ngàn chín trăm bảy mươi chín đồng).

Nguyên đơn Công ty T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 700.000đ(Chín trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000273, ngày 27-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 8, Điều 27 và Điều 73 Luật tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2024; khoản 02 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 13.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kim P.

[1.1] Buộc bà Đỗ Thị Kim P phải trả cho Công ty T số tiền là 31.659.593đ(Ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm chín mươi ba đồng), tính đến ngày 22-8-2024;

Trong đó:

+ Nợ gốc 21.324.600đ(Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi quá hạn: 9.729.264đ(Chín triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng);

+Nợ lãi chậm trả: 605.729đ(Sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 23-8-2024 đến ngày bà Đỗ Thị Kim P thanh toán xong khoản nợ. và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4609578, ngày 09-5-2023,tính từ ngày 23-8-2024, đến ngày bà Đỗ Thị Kim P thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn Công ty T.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Bị đơn: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim P phải chịu là 1.582.979đ (Một triệu năm trăm tám mươi hai ngàn chín trăm bảy mươi chín đồng).

[2.2] Nguyên đơn Công ty T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 700.000đ(Bảy trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000273, ngày 27-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh BR-VT
- Viện kiểm sát ND Tp-VT
- Thi hành án dân sự Tp- VT
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc